

Chuyện kể đời tôi:

Lâm Viên - Phần 2

Ngã rẽ thứ 6: Học tập cải tạo tư tưởng (1975-1978)

Trước hết tôi cũng như các sĩ-quan trừ-bị từ Trung-ủy trở xuống đều bị nhốt tại Trảng-lớn Tây-ninh do bộ đội quân-lý; chúng tôi thuộc nhiều thành phần: Sĩ-quan biệt phái, sĩ-quan hiện dịch các binh chủng từ cấp Trung úy trở xuống, cảnh sát và cán bộ xã ấp. Sáu tháng sau, bị “biên chế” đi các nơi khác như Đồng-ban, Katum, Suối máu, Phú-quốc gọi là đi thực tế lao động để đánh giá kết quả học tập cải tạo. Thời gian 6 tháng đầu ở Trảng-lớn, chúng tôi được rất thoải mái bên trong hàng rào giây kẽm gai, ban đêm được ra ngoài sân tụ họp chuyện trò, nấu nướng cá nhân như chè, cháo, cà-phê, trà, hút thuốc lá, đàn địch nhạc không lời hoặc đánh cờ, đánh “cartes”; ban ngày thì lao động tự giác, không bắt buộc; hai ba phòng nhập thành đội, đội chia thành tổ (căn hộ của trại gia binh cũ) học tập chính trị có quản giáo kiểm soát. Tuy nhiên khi nào ra bên ngoài vòng rào kẽm gai thì có vệ binh mang súng hoặc quản giáo theo dõi, như để đánh giá tinh thần tự giác lao động và học tập chính trị cải tạo tư-tưởng. Lao động quanh phi-trường Trảng-lớn cũng rất nguy hiểm vì đạn dạn, lựu đạn rơi rớt rất nhiều, chúng tôi phải đào hố lớn để gom lại chôn vào đó. Một lần thoát chết khi một bạn tù cuốc trúng một viên đạn M79 còn nguyên xi, đầu đạn còn dính với đuôi đạn. Tôi đứng cuốc sát bên anh ấy, một phi công Air VN rất lớn xác, đầu viên đạn móp một vệt dài và sâu, rất may không nổ. Nếu nổ thì chết cả đám vì loại đạn ấy có khả năng bắn xe tăng cháy ra tro. Thời gian đầu “họ” chưa biết chính sách đối xử với quân dân miền Nam như thế nào vì đứng

trước một tình trạng hụt hẫng, chiếm đoạt miền Nam quá dễ dàng, đang phải chờ chỉ thị của hai đàn anh Nga Tàu nên chúng tôi được ở trong tình trạng giam lỏng. Sau khi Tàu giáng cho một bài học ở các Tỉnh phía Bắc thì chúng tôi bị giao qua Công-an quản lý, bắt đầu một cuộc sống nghiệt ngã với cảnh địa ngục trần gian, tương lai mù mịt đen tối tuyệt vọng không mong có ngày về. Bản thân trong cảnh chim lồng cá chậu, bên ngoài thì vợ khờ con dại, không tiền không bạc, càng nghĩ tới càng bị phát điên. Có lần tôi quặn đau thắt ruột gần chết, khóc la và bò lê giữa nền nhà, Bác-sĩ Trần-đình-Đ bảo rằng tôi bị xoắn ruột không có thuốc chữa. Tôi bò lăn bò càng từ trên sàng ngủ xuống đất, vùng vẫy như cá mắc cạn không biết trời đất mây nước sạch dơ thế nào. Rất may có một bạn tù cùng phòng lấy dầu nhĩ thiên đường xoa bóp vào bụng tôi rất mạnh, rất đau, rất lâu và tôi từ từ hết bệnh. Bác sĩ chẳng làm được gì cho trường hợp của tôi kể cả lúc sắp được tha về nhà thì bị kiết lỵ gần chết, phải chờ gia đình đem thuốc trụ sinh lên mới hết kiết sau hơn một tháng trời đau đớn, không ăn uống. Sau đây là giai đoạn Công-an quản lý:

Đến trại Z30a Xuân-lộc lúc 5giờ chiều, trại giam này là cứ địa phòng thủ của quân đội VNCH trước kia, nằm trên một đồi cao, không có hầm vệ sinh tự hoại dành cho tù, chỉ đi cầu vào từng thùng gỗ rồi khiêng đi đổ vào một cái hố. Khi thùng đầy ú thì phân tràn ra đất, mặt tình giời bọ rúc rìa. Sau khi đem đồ đạc cá nhân vô phòng giam thì được dẫn xuống một cái hồ lớn gần đó để tắm giặt hoặc đánh răng súc miệng nếu cần vì đã ngồi trong xe Molotova phủ kín suốt một ngày đường, ngồi chật như nệm, nóng nực và ngộp thở. Mọi người hụp lặn một cách thích thú, giặt giũ, rửa chén đĩa nồi niêu, riêng tôi chỉ đứng trên khô mà nhìn, mà suy nghĩ thấy hết muốn sống, vì là dân địa-hình nên tôi nhận biết ngay những gì ô uế trên đồi cao đều dồn vào cái hồ nước đó. Trước khi ra

cái hồ đó tôi và một ông bạn tù cảnh-sát lớn tuổi vừa nhận được quà thăm nuôi đầy 2 thùng thì bị chuyển trại, tôi phải giúp ông ta thay phiên gánh về trại để ăn tối. Vì chậm chân đến sau cùng nên phải bị lọt vào cuối phòng, sát cạnh một phòng nhỏ dùng để đi cầu ban đêm, ngăn cách bằng một vách ván. Bắt đầu một chế độ ăn uống kham khổ, chỉ có khoai sắn khô, trộn với một chút xíu com, lượm ra được một muống canh với cá vụn kho và canh rau muống nấu với muối. Thế là các bạn tù dành nhau cái thùng phân, hai ba người đầu mông vào nhau ngồi ị, tiêu chảy suốt đêm vì nếm mùi ăn độn khoai sắn khô lần đầu tiên, mùi hôi thối bốc lên chỗ tôi ngủ và tiếng sọt sọt của phân lỏng như nước tôi phải nghe suốt đêm không làm sao ngủ nổi. Sáng ra thì tranh nhau như chạy đua, chạy ra dãy cầu tiêu, có người té lẫn chiêng vì mang dép. Không cửa sổ nào được mở, chỉ thở với những lỗ thông hơi sát trên mái tôn. Một phòng chứa 100 tù, có thể nói là họ cho chúng tôi chết từ từ vì thiếu dưỡng khí trầm trọng. Rất may cho tôi là qua ngày hôm sau, sau khi tập họp điểm danh thường lệ quản trại hỏi có ai muốn đi qua trại B không, tôi xung phong ngay lập tức vì nghĩ rằng không thể có nơi nào tồi tệ hơn đây nữa. Đi đâu thì đi miễn ra khỏi chỗ này là được. Trại B tuy lợp tranh, ngủ sạp gỗ hai tầng, nhưng rộng rãi mát mẻ hơn, có giếng để tắm giặt, rửa chén bát mặc dầu cầu tiêu cũng giống nhau nhưng ban đêm không đi tiêu trong phòng giam, cửa sổ được mở thoải mái. Địa thế bằng phẳng, rộng rãi về sau được xây gạch lợp ngói theo đồ án ngoài Bắc thiết lập. Tôi xác chứng như vậy vì họ thiết kế kiểu hà tiện, tiết diện cột ở hành lang ngoài hiên chỉ bằng một viên gạch nhỏ đặt nằm. Hình như về sau đổi tên là Z30 D thuộc Xuân-Lộc Long-Khánh và làm nơi giam giữ những tù ở ngoài Bắc vào chờ ngày được tha.

Từ ngày về đây là thực sự lao động cải tạo tư tưởng, phá rừng khai hoang, vác cây rừng

đem về trại để cưa ra làm củi, dàn hàng ngang cuốc đất trồng khoai sắn và bắp. Rừng vừa phá xong, từng nhóm 4-5 người vác nguyên cây về trại hoặc chất lên xe chở đi đâu không rõ. Khổ nhất là chỉ mới sau một cơn mưa đông đầu mùa nước chưa thấm đất chúng tôi đã phải dàn hàng ngang ra cuốc. Dã man là cái cuốc rất dày, rèn thủ công nghệ dày từ 5 tới 7mm, bề mặt là 17cm x 22cm với quai cuốc dày 6mm đường kính bên trong hơn 4cm nên cán cuốc quá lớn nắm không hết lòng bàn tay. Đất rừng còn rất cứng nên khi phang cuốc xuống thì cuốc dội ngược lên rất đau ngực chịu không nổi. Tôi cũng buộc long ráng lét bết theo các bạn tù đang tiến tới trước với 2 dụng ý: a/ tỏ ra lao động tốt để lấy điểm mong sớm được về; b/ tự rèn luyện mình cho có sức lao động để sau này được ra tù thì vô rừng hoặc vùng kinh-tế mới trồng trọt nuôi thân theo chủ trương chính sách mà họ đã nói thẳng rằng ngày trước họ sống trong rừng, sau này là phiên chúng tôi phải vào đó sinh sống. Tuy nhiên nếu cuốc đất kiểu đó thì chắc là phải bỏ thân trong tù. Rất may là sau 1 tháng phá rừng cuốc đất, tôi và một số các bạn được chọn vào toán kỹ thuật. Toán kỹ thuật này gồm có Kỹ-sư công-chánh, Kỹ-sư nông-lâm-súc, Cán-sự CC, Cán-sự ĐC và Trắc-lượng-viên. Tất cả mọi người đều được đưa ra rừng lập họa đồ tổng thể, phân khu vực trồng trọt, chỗ nào trồng lúa, chỗ nào trồng bắp, khoai, sắn mì ... Tôi xung phong vẽ bản đồ theo những chi tiết đã đo đạc. Trưởng toán kỹ-thuật là Kỹ-sư Trần-ngọc-Xuyến được giao việc nghiên cứu làm một cái đập bằng đất. Kỹ-sư Xuyến tự vẽ đồ-án và có đem ra bàn thảo với anh em trước khi đưa cho giám-thị Trại. Không biết rõ đập chặn nước đó có được thực hiện hay không nhưng sau một thời ngắn Kỹ-sư Xuyến được “tạm tha” về đi làm cùng một chỗ với có Kỹ-sư Ng. ngọc Du thuộc cơ quan gì tôi không nhớ rõ. Ngoài ra trong toán đó không có ai được về thêm. Toán chúng tôi còn lại là Kỹ-sư

Khôi, Kỹ-sư Phùng bên canh-nông, tôi và các anh Lê-chí-Dự, Nguyễn-kiến-Lịch CSCC, Lê-văn-Hung CSĐC và Hồ-văn-Ri TLVĐC chuyên về đo đạc lập bản đồ. Về sau có thêm anh Hồ-văn-Sơn sinh viên kiến-trúc năm thứ 3. Trưởng Trại chưa biết phải chọn ai làm trưởng nhóm nên tôi tự nhận vai trò Trưởng nhóm KT để giao dịch với ban Giám-thị Trại khi cần đến. Thế rồi tôi được giao thực hiện một cầu gỗ băng qua một con suối lớn thuộc con đường chính từ Trại Z30A vào cho xe tải 4 tấn chở lương thực cho trại Z30B. Lọt lòng dầm cầu 5m cộng với 2 gô đầu cầu dày 1m dựng bằng đá núi không xi-măng, không hồ không vữa. Không có tài liệu kỹ thuật, chỉ có bản đồ địa dư và lượng nước mưa trong vùng, tôi áp dụng công thức căn bản $M/f \leq I/r$, suy ra đường kính đà gỗ cần thiết. Sau khi thi công xong xe molotova chở lương thực qua lại không có gì bất trắc xảy ra. Mỗi lần có mưa to, tôi yêu cầu quản giáo cho tôi ra cây cầu để xem mực nước lên tới đâu. Mực nước sau một cơn mưa rất lớn cũng còn cách dạ dưới đà cầu chừng 50 cm rất đạt yêu cầu kỹ-thuật... Tiếp theo là công tác làm một lò bánh mì với năng suất vài ba ngàn ổ mỗi ngày. Phác họa hình thức lò do một bạn tù tên Lê văn Ph. nguyên là Đốc-sự hành chánh phụ trách vì anh này đã từng ở trong nhóm làm bánh mì ở các trại khác. Ban giám thị giao cho tôi tiếp tục phần kỹ thuật. Hình dạng của lò là một cái bầu hình bầu dục và dài giống y thùng đựng xăng đặt trên xe truck nhưng không phải bằng kim loại mà bằng đất sét, đường kính lớn bên trong là 2m, đường kính nhỏ bên trong là 1,30m dài 3m, dày 20cm. Vỏ ngoài dày 16cm cách bầu chính 20cm. Một mình một ngựa, dùng hết sở trường sở đoản moi đầu ra làm một việc chưa từng gặp bao giờ: bê tông đất sét cốt sắt chịu lửa đốt liên tục với củi rừng. Tôi phải chứng tỏ là toán kỹ-thuật này là thứ thiệt chứ không phải “Sĩ quan biệt phái” từng bị xem là CIA. Cũng may là có lô sắt tròn dành để xây

cát trại mới bằng gạch, tôi tha hồ đem ra làm một bộ xương sườn “khủng long”, đỡ lên bằng 4 cây đà bê tông cốt thép (đúc trước) đặt bên trong và gô lên 2 bức tường gạch ở 2 đầu xây với đất sét. Bốn cây đà được phân phối ở nửa phần trên của cái bầu, nửa phần dưới không cần đà chống đỡ, chỉ dựa trên một tường trung gian. Vấn đề là làm thế nào đỡ được toàn khối đất sét lúc đầu còn ướt, làm sao tránh nứt rạn hoặc vỡ tung khi đốt lửa, làm sao sắt khỏi cháy thành nước hoặc giãn ra làm vỡ tung toàn bộ lò. Trước khi đắp đất vào sườn sắt, Phó Giám-thị trại chính (phụ trách 3 trại) đến xem và la lên rằng “sắt mà chơi với lửa sao được, nó mà nổ tung ra thì anh sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp chế xã hội chủ nghĩa với cái tội phá hoại tài sản nhà nước”. Tôi cũng hơi ớn lạnh vì những lời hăm he đó, tuy nhiên cũng tự tin vì trong nhóm làm bánh mì có một sĩ-quan cảnh sát trước kia làm nghề đúc đồ đồng có kinh nghiệm về làm khuôn đất sét góp ý rằng phải trộn vỏ trấu vào đất sét mới khỏi bị nứt. Để chắc ăn hơn nữa, tôi yêu cầu cấp cho tôi 100 kg mật đường để trộn vào đất sét, rốt cuộc không có mật, rất ngại cho khả năng chịu lửa, chống nứt của đất sét. Túng quá tôi nghĩ cách trộn muối vào cho đất sét và trấu được lâu khô và sau khi khô muối kết tinh tạo thành chất kết dính giữa trấu và đất sét. Viết đến đây tôi nghĩ là cũng phải học hỏi AH Lê ngọc Minh đã từng có kinh nghiệm về ngành đúc và luyện kim, mong AH phổ biến kỹ-thuật làm khuôn đúc (mold) để anh em được thọ giáo. Sau khi đắp đất hoàn thành cái nòng trong và cái vỏ ngoài, tôi đề nghị nhóm làm bánh mì khoan đốt lửa, chờ 2 tuần cho đất sét thật khô rồi hãy đốt. Thế mà mới sau 3 ngày họ đã đốt lửa từ từ và vài ngày sau đã cho ra lò vài trăm ổ bánh mì thơm phức. Củi rừng nguyên cây bán kính hơn 12cm đun vào 2 miệng lò 24/24 mỗi ngày thấy ớn lạnh; nhóm làm bánh mì nôn nóng sản xuất

bánh mì làm tôi lo sợ quá nhưng mọi sự đều tốt đẹp không có gì đáng tiếc xảy ra.

Ngã rẽ thứ 7: Sống trong nhà tù lớn không yên, muốn xin về lại nhà tù cũ, chuyện khó tin nhưng có thật.

Được ra tù tháng 8 năm 1978 nhưng mãi đến 4/79 tôi mới xin được vào làm ở Xưởng Thiết kế sửa chữa nhà và công trình công cộng thuộc Sở Quản lý Nhà đất. Đúng ra tôi đã được Sở Hải sản thu nhận nhưng phải về Rạch Giá để phụ trách thi công một cơ-sở đông lạnh vào tháng 10/78 mà tôi không nhận vì tôi cần ở Saigon để theo dõi tin tức thân nhân di tản vào giờ thứ 25. Mỗi ngày tôi phải đi xin việc mà chưa được, phần nhiều là bị các Phòng tổ chức từ chối vì lý lịch mờ ám hoặc không có nhu cầu về ngành địa-chánh. Thời gian chưa có việc làm, tôi mới có cơ hội nếm mùi Chủ nghĩa Xã hội và cái luật lệ gọi là Pháp chế XHCN. Số là trước khi ra khỏi Trại tập trung cải tạo, anh Phó Giám thị đã dặn dò hẳn hoi là “đừng đi kinh-tế-mới nghe, địa phương bắt các anh đi cũng không đi vì các anh được ở thành phố do chủ trương chính sách của chính phủ”. Vậy mà trong lúc chưa tìm được chỗ làm, Ủy Ban Nhân dân Phường truy bắt tôi để đưa đi Nông trường. Tôi cãi lại rằng tôi thuộc diện kỹ-thuật không đi đâu cả, chúng nó bảo rằng tôi “phải đi nông-trường, chùng nào có cơ quan nào nhận sẽ cho anh về”; bí quá tôi nói với chúng nó là tôi có vợ con nên tôi thuộc diện đi kinh-tế-mới và tôi sẽ đi sau khi tôi đem vợ con vào Saigon. Chúng nó bảo rằng hiện tại tôi không sống với vợ con thì tôi thuộc diện độc thân phải đi Nông trường. Hoảng quá, tôi phải về vùng quê ngoại ô thị xã Vĩnh-long móc nối được với người quen giới thiệu tìm gặp một ấp-trưởng để mượn đất cắm dùi, gọi là đất nhưng chỉ là nước ngập tới đầu, mênh mông không thấy đất vì lúc đó đang giữa mùa lụt, đến nhà Ấp trưởng phải đi bằng xuồng. Tôi đã phải đặt cọc một số tiền giữ chỗ chờ nước rút sẽ tính. Vùng kinh-tế-mới của tôi,

tương lai chỉ trồng được một mùa lúa nhưng được tự do hơn là đi nông trường mà cũng không xa thành phố nhiều, thuộc địa phận tỉnh Vĩnh-long. Vậy là mỗi ngày tôi phải qua nhà người bà con ở xóm Hàng Xanh lánh mặt bọn Ủy Ban Phường. Ban đêm thì công an đấm cửa xét nhà và mỗi lần như vậy tôi phải chui lên trần nhà cho đến khi tìm được chỗ làm. Xin diễn tả thế nào là cái nông trường mà tôi sẽ phải vào nếu chưa có việc làm: địa phương của tôi thuộc Quận Phú-Nhuận mà lúc đó họ gọi là Huyện, có lập một nông trường tại An-Biên, vùng đất sinh lầy gần biên giới Miên-Việt bao bọc bởi kinh rạch và hàng rào tre chung quanh; vào ra nơi đó phải đi bằng ghe hay thuyền, không có đường bộ. Thanh thiếu niên độc thân hoặc tù cải tạo chưa có việc làm bị lừa vào đó khai khẩn trồng mía vào mùa khô. Khi đã vào bên trong thì bị thu tất cả các giấy tùy thân bắt cứ loại gì, kể cả giấy ra tù. Không cách nào trốn ra được mà nếu trốn được thì cũng không có giấy tờ để sống hợp pháp. Mỗi 6 tháng được về thăm nhà nhưng với giấy phép của Nông trường mà thôi. Lao động tập thể, chặt nứa chặt lau, ngâm chân trong sinh lầy. Nông trường này là một dạng nhà tù khác để đày đọa những thanh niên độc thân mà tôi cũng bị nằm trong số đó. Cho nên trong đầu tôi đã phải nghĩ tới Trại tù cũ ở Gia-rai Xuân-lộc, mong rằng họ sẽ nhận tôi vào với tư cách công nhân kỹ thuật vì nơi đây đang có kế hoạch xây nhà tù bằng gạch. Nếu được vậy thì còn hơn sống trong nông trường An-biên tồi tệ hơn nhà tù cũ Z30b này. Chủ trương, chính sách và luật lệ gọi là “pháp chế xhcن” là như thế, trung ương thế này địa phương thế khác; lúc cho ra tù thì gọi là “tạm tha” nghĩa là trong thời hạn quản chế mà không tuân hành chủ trương đường lối của địa phương là vào tù lại ngay. Suốt thời gian 8 tháng chưa có việc làm, đầu óc căng thẳng, cỡi xe đạp lang thang ngoài đường, xuống 5 – 6 kilô, da dẻ nám đen. Sau đó đọc báo được biết

Xưởng thiết kế thuộc Sở Quản lý Nhà đất đang cần người, tôi xin vào và sau khi trải nghiệm khả năng, tôi được thu nhận ngay nhưng đồng thời tôi phải đăng-ký xin xuất cảnh. Sau khi được biên nhận hồ sơ xuất cảnh, tôi xin thôi việc. Vậy là tôi làm nơi đây được 5-6 năm (1979-1984), mỗi năm đều được tuyên dương “điển hình tiên tiến” có nghĩa là xuất sắc nhất. Tất cả công nhân viên miền Nam chỉ có một mình tôi được bầu chọn. Tổ công tác của tôi có 2 Kỹ-sư CC tốt nghiệp 1975 hoặc sau 1975, 3 cử nhân tạo tác 1975, 1 sinh-viên năm thứ 3 KTS, 2 họa-viên, 1 trắc lượng viên và 1 cán-sự ĐC là tôi; 1 tên nằm vùng làm Tổ trưởng và 1 họa viên đảng viên CS. Tôi được giao làm phó tổ-trưởng. Anh tổ-trưởng không bằng cấp nên chỉ có nhiệm vụ nhận công việc, theo dõi sự có mặt của anh chị em lúc đi công trường hoặc tại văn-phòng còn tôi phụ trách điều hợp kỹ thuật. Tôi nhận thấy có điều hơi khác thường là lực lượng trong tổ của tôi rất dồi dào mà tôi lại được cử làm tổ phó công tác. Tôi nghĩ là ban giám đốc đã xem xét rất tỉ mỉ về lý lịch và quá trình hoạt động của tôi đồng thời căn cứ trên bản vẽ và chiết tính kinh phí ước toán của tôi nộp trong phần khảo hạch thi tuyển. Mỗi lần ra công trường nếu không có tổ trưởng đi theo thì tôi cho anh chị em về sớm trước giờ hành chánh, không hề thúc dục lập công. Tổ của chúng tôi thường bị giao những công tác khó và phức tạp. Tôi biết tìm đến cơ quan nào để khai thác hoặc mượn những tài liệu cần thiết cho việc thiết kế, và lại cũng là “nghề của chàng” nên công việc được giải quyết dễ dàng và lợi thì giờ, do đó mới có đủ tư cách hướng dẫn anh chị em làm lụng thoải mái mà đem lại lợi nhuận cao cho Xưởng. Chỉ 2 năm sau, Xưởng được nâng cấp thành Xí-nghiệp Thiết kế. Tôi nghĩ rằng thành quả đó có thể do tôi đã đóng góp một phần. Tôi mạnh dạn nói như vậy vì sau hơn 5 năm phục vụ, Giám-đốc Xí-nghiệp yêu cầu tôi trông coi Phòng kỹ-thuật (Trưởng

Phòng) gồm có 3 Tổ công tác di động và 1 nhóm làm ở văn-phòng. Mỗi Tổ đều có lực lượng tương trợ nhau, còn thường xuyên văn phòng thì cũng có Kỹ-sư, KTS miền Nam, miền Bắc và các Kỹ-sư các ngành điện khí, cơ khí v.v...từ ngoài Bắc vào, tạo thành một lực lượng hùng hậu như vậy mà giao cho tôi điều hành thì cũng ớn thật. Tuy nhiên Ban Giám-đốc cũng có lý do của họ và thật là một vinh dự lớn cho tôi, một Cán-sự ĐC quèn mà được trọng dụng đến thế. Sở dĩ có sự kiện này là vì tôi thuộc loại “ba rọi” có thể phụ trách nhiều món “ăn chơi” như cải tạo nhà cao tầng, rạp chiếu bóng, đường sá, cầu cống thuộc công trình công cộng, cur-xá, cầu thang lầu đủ kiểu và cầu thang gẫy (một hai thêm nghi) không cột chống đỡ bên dưới v.v...và nhất là đem lại lợi tức thiết kế cao cho xí-nghiệp, làm bằng chứng cụ thể cho sự đề bạt của Ban Giám-Đốc.

Nhưng tôi xin hai chữ bình an, và đã từ chối vai trò đó. Làm gì cho lắm vì công việc và chức vụ nếu nhận có vẻ “kêu” mà lương lậu thì chỉ đủ mua 1 cái bánh chưng ăn trưa không đủ no, bữa sáng và bữa tối nhịn đói, vợ con chưa kể, suốt hơn 5 năm trời như vậy, cũng không mua được nhu yếu phẩm vì không có hộ khẩu. Không có tiếp tế từ bên ngoài thì gia đình tôi đã chết đói từ lâu rồi. Một thời gian 10 năm không có hộ khẩu vì sau khi nộp hồ sơ xin xuất cảnh được là tôi xin thôi việc nên tôi không được mua nhu yếu phẩm với giá bao cấp kể cả thời gian đang phục vụ tại Xí-nghiệp Thiết-kế thuộc Sở QLND”. Tôi đi làm chỉ vì muốn khỏi đi nông trường hoặc kinh-tế-mới thôi chứ ai mà làm ăn và sống với một chế-độ tiền lương chết đói đó nổi...Lúc đến Phái đoàn LHQ để phỏng vấn xuất cảnh, viên chức phỏng vấn tỏ vẻ nghi ngờ về trường hợp của gia đình tôi sao không ai có hộ khẩu ở Saigon cả. Ông ta hỏi tới hỏi lui ba bốn lần về hộ khẩu của tôi và 4 đứa con, dường như muốn đóng hồ sơ của tôi khi tôi không thể có hộ-khẩu để trình cho Ông ấy.

Điều này tôi đã chuẩn bị trước kể cả một điều khác nữa là sợ họ thắc mắc tại sao các con tôi ở Mỹ không bảo lãnh cho tôi mà em gái tôi đứng ra bảo lãnh; nếu phải làm lại hồ sơ thì sẽ là cả một vấn đề, vả lại không biết con cái tôi có khả năng đứng bảo lãnh hay không, nên trong hồ sơ trình cơ quan phỏng vấn tôi nộp thêm 1 tờ questionnaire ghi tên cố-vấn Mỹ hỏi tôi phục vụ tại Văn-phòng Đại diện Bộ Canh-nông đặc trách cải-cách điền địa tại Quân Khu 1, liêu lĩnh kèm những phụ chú (do 1 thầy dạy Anh-văn viết dùm) nói xấu chế độ như bị kỳ thị, sách nhiễu thường xuyên, mạng sống bị đe dọa, con cái không được học hành v.v... Khi đọc đến đoạn này ở cuối cùng hồ sơ, mặt Ông ta vui hẳn lên như thể thoát được một tình trạng khó xử cho tôi và nói với tôi rằng Ông ta không còn thắc mắc gì tôi nữa, phần tôi có điều gì thắc mắc Ông ta không? Vấn đề hộ khẩu đối với phái bộ LHQ mà quan trọng đến vậy, suýt nữa bị kẹt lại, nếu bị bác hồ sơ thì càng bị kẹt lại lâu hơn nữa vì mấy tháng sau CS đóng cửa văn phòng Phái-đoàn LHQ thời gian hơn 3 năm. Thoát nạn nhờ công an không thấy kịp những câu nói xấu trong tờ questionnaire vì nhờ có 2 đứa con út và áp út của tôi bị ới mưa dữ dội, vì đi xe đò bị say mùi xăng, nên nữ công an giữ trật tự vào bên trong bàn Công an phụ trách kiểm duyệt những giấy tờ của tôi nộp, lấy hồ sơ của tôi đưa qua viên chức phỏng vấn nên không bị kiểm duyệt trước.

Nói chung cuộc đời của tôi như một giấc mơ.

Ngã rẽ thứ 8:

Được qua Mỹ theo diện ODP trước lễ Giáng-sinh 1986 khoảng 1 tuần lễ, sau đó USCC đưa tôi đi học nghề làm bồi bàn mất 3 tháng. Tôi yêu cầu cho tôi học assembler điện tử nhưng không được vì đợt của tôi không có khoá dạy ngành đó. Đồng thời tôi lo việc khám sức khoẻ, tìm cách chữa bệnh kinh niên nghiệt ngã của tôi là chính, với hy-vọng tràn trề là sẽ tìm ra bệnh hầu chữa cho được để tính chuyện

làm ăn về sau. Nhưng rất tuyệt vọng vì chỉ thấy bao tử tôi hơi có mụn (ulcer), bác sĩ cho uống thuốc bao tử đủ loại như maalox, mylanta, tagamet, zantac, prevacid, nexium kèm với các loại an thần như belladon, amitriphillin mà bệnh không hết, chứng nào tật đó, ăn vào là mệt. Vả lại sau thời kỳ bị kiết-ly ở Bến-ngự Huế, tôi bị một chứng đắng lưỡi hôi miệng vào mỗi buổi sáng mà trước kia không có. Ở VN tôi từng uống Caved-S từng thùng thuốc, kể theo là uống Bismuton của dược-sĩ Ng-thị-Hai rất độc nhưng dùng chất độc địa ấy thì tôi mới trị được chứng đắng lưỡi hôi miệng. Sau khi qua đến Hoa-kỳ tôi vẫn phải dùng bismut ròng (pure) song song với những thuốc bao tử, nhưng sau 5 năm bismut không còn hiệu nghiệm nữa nên tôi không còn nghĩ đến chuyện tìm kiếm một việc làm thích hợp, mà chỉ sống nhờ trợ cấp xã-hội và được ăn tiền bệnh vì phát hiện tôi có gai cột sống lưng nặng, ngồi, đứng lâu không được. Tuy vậy tôi cũng phải làm thêm chút ít cho đủ tiêu vì tiền thuê nhà rất nặng, với nghề tay trái là họa viên kiến trúc kiêm thiết kế dự-án. Đi làm cho vài hãng nhỏ VN, đôi khi gặp một vài AH đến nhận công việc tính sức chịu đựng của công-trình. Với nghề tay trái nhưng dần dần trở thành hoạ-viên có căn bản được các hãng nể vì và đồng ý cho đem việc về nhà làm rất thoải mái; có lần AH Ái-Văn ghé thăm Mẹ tôi thấy tôi đang ngồi vẽ tại nhà, lúc ấy tôi chưa biết AH là rể của Cụ quá cố Đình-gia-Bái sếp của tôi hỏi tôi đổi về Nha-trang. Nếu biết thì tôi có thể nhờ KS Ái-Văn đưa tôi đến thăm Cụ trước khi Cụ mất. Lúc ban đầu vào việc cũng rất ngỡ ngàng vì không được đào tạo tại Mỹ, nhờ có người em trai vượt biên qua hồi 1980 cán-sự KT đi làm cùng một hãng với tôi hướng dẫn tôi theo mẫu mã của Mỹ nên tôi không còn thấy gì khó khăn trong nghề, duy chỉ có căn bệnh của tôi là nguyên do chính đưa tôi đến lụn bại không góc đầu lên được.